

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23-02-2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Mạnh Cường
2. Bà Nguyễn Thị Sâm

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hải Phú- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Nga- Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST – HNGĐ ngày 27/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu X, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T xin giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu X, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 27/9/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày: Chị và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/6/2006 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Phú

Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh T tại khu X, xã C. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chơi bời, không quan tâm đến gia đình, có nhiều mối quan hệ với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải nhưng không đạt kết quả. Tháng 9/2021 mâu thuẫn trầm trọng chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng ly thân từ đó không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết chị được cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh Hải có 02 con chung là Trần Anh T, sinh ngày 17/7/2007 và Trần Thanh M, sinh ngày 04/11/2010. Hiện nay 02 con chung đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T không yêu cầu giải quyết.

2, *Tại bản tự khai ngày 16/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Văn T trình bày:* Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân như chị T trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chơi bời, mặc dù đã được gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải nhưng không đạt kết quả. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý vì anh mong muốn chị T tha thứ cho anh để vợ chồng quay về chung sống nuôi con.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Trần Anh Tuấn, sinh ngày 17/7/2007 và Trần Thanh Mai, sinh ngày 04/11/2010. Hiện 02 con chung ở cùng chị T. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Anh Tuấn và nhất trí giao cháu Trần Thanh Mai cho chị T được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh T không yêu cầu giải quyết.

3, Nguyên vọng của cháu Trần Anh T và Trần Thanh M đều đề nghị nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu xin đ- ọc ở với mẹ.

4, *Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/12/2021 ông Trần Văn T (bố đẻ anh T) trình bày:* Anh T là con trai ông, chị T là con dâu. Sau khi kết hôn chị T anh T ở chung với gia đình ông. Từ cuối năm 2016 thì anh chị bắt đầu có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chơi bời, nợ nần dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Hiện nay anh T và vợ ông đi làm ở Hà Nội thỉnh thoảng mới về nhà. Chị T, anh T có hai con chung, đang ở cùng chị T. Nay chị T xin ly hôn anh T ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

5, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã C ngày 16/12/2021 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị T và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có

đăng ký kết hôn ngày 13/6/2006 tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với bố mẹ anh T tại khu X, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu phát sinh do anh T chơi bời dẫn đến nợ nần. Mâu thuẫn căng thẳng chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở 3, 4 tháng nay, vợ chồng anh chị ly thân từ đó không ai quan tâm đến ai. Anh chị có hai con chung là cháu Trần Anh T, sinh ngày 17/7/2007 và Trần Thanh M, sinh ngày 04/11/2010. Hiện nay 02 con chung đang ở cùng chị T. Nay chị T xin ly hôn anh T, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người phụ nữ.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn anh Trần Văn T.
- Về con chung: Giao hai con chung chưa T niên là Trần Anh T, sinh ngày 17/7/2007 và Trần Thanh M, sinh ngày 04/11/2010 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu. Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.
- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại khu Xóm Đình, xã Cấp Dẫn, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị T có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía anh T Tòa án đã gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị T và anh T là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 13/6/2006 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh T. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chơi bời, không quan tâm đến gia đình, có nhiều mối quan hệ với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải nhưng không đạt kết quả. Tháng 9/2021 mâu thuẫn trầm trọng chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng ly thân từ đó không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết chị được cho ly hôn với anh T. Phía anh T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chơi bời, mặc dù đã được gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải nhưng không đạt kết quả. Nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý vì anh mong muốn chị T tha thứ cho anh để vợ chồng quay về chung sống để nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã báo gọi anh T đến Tòa án để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng của anh chị, mặc dù đã nhận được các giấy báo của Tòa án nhưng anh không đến Tòa án để làm việc. Ngày 16/12/2021 Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh tại UBND xã Cấp Dẫn về quan hệ hôn nhân của chị T và anh T được đại diện chính quyền địa phương cung cấp mâu thuẫn chủ yếu phát sinh do anh T chơi bời dẫn đến nợ nần. Mâu thuẫn căng thẳng chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở 3, 4 tháng nay, vợ chồng anh chị ly thân từ đó không ai quan tâm đến ai. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị T và anh T đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ-ợc, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh T là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là Trần Anh T, sinh ngày 17/7/2007 và Trần Thanh M, sinh ngày 04/11/2010. Khi ly hôn chị T đề nghị được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả hai con chung. Phía anh T xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Anh T và nhất trí giao cháu Trần Thanh M cho chị T được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Xét thấy nguyện vọng xin được nuôi con của anh chị là chính đáng nhưng việc giao con cho ai phải căn cứ vào tình cảm và điều kiện để nuôi dạy con cái trưởng thành. Từ tháng 9/2021 đến nay chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thì cháu T và cháu M ở cùng chị T và ông bà ngoại, do chị T chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng, bên cạnh còn có sự giúp đỡ của ông bà ngoại, các cháu hiện đang theo học tại Trường trung học cơ sở C, cách nhà ông bà ngoại 500m. Phía anh T đi làm ăn ở Hà Nội ít khi về nhà không có nhiều thời gian để chăm sóc con chung. Nguyện vọng của cháu T và cháu M đều đề nghị nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu đều xin ở với mẹ. Vì vậy, để ổn định chỗ ở, ở thuận lợi cho việc học tập và sự phát triển của con chung cần giao cháu T, cháu M cho chị T được trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn anh Trần Văn T.

[2]. Về con chung: Giao hai con chung chưa thành niên là Trần Anh T, sinh ngày 17/7/2007 và Trần Thanh M, sinh ngày 04/11/2010 cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T, anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0007631 ngày 12/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã C;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền